

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BM
TỈNH VL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:30/2022/HNGĐ-ST

Ngày:19/5/2022

“V/v Tranh chấp Ly hôn

và nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BM, TỈNH VL

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N T L T.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông L P H;

Ông S M.

- Thư ký phiên tòa: Bà B T H T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã BM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã BM: Ông N T K – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã BM xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 78/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13/4/2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đ T M X, sinh năm 1981 – Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 1, khóm 4, phường C V, thị xã BM, tỉnh VL.

- Bị đơn: Anh T H L, sinh năm 1973 – Xin vắng mặt;

Địa chỉ: Tổ 1, khóm 4, phường C V, thị xã BM, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2022, nguyên đơn chị Đ T M X trình bày:* Vào năm 2000, chị Đ T M X và anh T H L quen biết tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn số: 91, quyển số 3, ngày 17 tháng 6 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C V, huyện BM (Nay là thị xã BM), tỉnh VL. Trong quá trình chung sống giữa chị Đ T M X và anh T H L có 02 người con chung tên Đ T B T, sinh ngày 12/12/2001 và T Q P,

sinh ngày 09/01/2005. Vợ chồng không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung.

Chị Đ T M X cho rằng mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị X nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị X và anh L không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã BM giải quyết các vấn đề sau:

+ Về hôn nhân: Chị Đ T M X yêu cầu ly hôn anh T H L.

+ Về con chung:

(1). Chị Đ T M X yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên T Q P, sinh ngày 09/01/2005 và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

(2). Đối với con chung tên Đ T B T, sinh ngày 12/12/2001 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản ghi lời khai đề ngày 26 tháng 4 năm 2022 của bị đơn anh T H L trình bày:* Anh T H L và chị X do quen biết, tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống giữa anh T H L và chị Đ T M X có 02 người con chung tên Đ T B T, sinh ngày 12/12/2001 và T Q P, sinh ngày 09/01/2005. Vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Việc chị Đ T M X có đơn yêu cầu ly hôn thì anh L có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Anh L không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị Đ T M X mà yêu cầu vợ chồng đoàn tụ lo cho con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời anh L xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải. Anh L xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm và cam kết không có bất cứ khiếu nại gì về sau.

* *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn trình bày: Chị Đ T M X vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu.

- Bị đơn trình bày: Anh T H L xin vắng mặt tại phiên tòa.

- *Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã BM trình bày ý kiến:*

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ T M X và anh T H L chưa đến mức độ trầm trọng, anh L xin đoàn tụ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ T M X.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ T M X nên không xem xét giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn có đăng ký thường trú tại thị xã BM (Theo xác nhận đề ngày 08/3/2022 của Công an phường C V), nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã BM theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị Đ T M X và anh T H L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị Đ T M X và anh T H L xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm sống và thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng chưa đến mức độ trầm trọng và anh L tha thiết xin đoàn tụ với chị Đ T M X để lo cho con chung. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị Đ T M X và anh T H L chưa đến mức độ trầm trọng nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ T M X.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ T M X nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị Đ T M X là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 9, 19 và khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ T M X về việc yêu cầu ly hôn anh T H L.

Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về án phí: Chị Đ T M X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị X được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00112551, ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã BM. Vậy chị X đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Ủy ban nhân dân phường C V: 01
- Đương sự: 02
- Lưu: 04

N T L T